wài gōng

外公

Noun · grandfather

Example Sentences

zhè shì wǒ de wài gōng
这是我的外公。

This is my maternal grandfather.

wǒ de wài gōng shì yí wèi tuì xiū de jiào shī
我的外公是一位退休的教师。

My grandfather is a retired teacher.

nǐ shàng cì jiàn dào wài gōng shì shén me shí hòu hái jì de ma
你上次见到外公是什么时候，还记得吗？

Do you remember when you last saw your grandfather?

Trace each character, then write the word on your own.

外 外 外 外 外 外 外 外

公 公 公 公 公 公 公